|  |  |
| --- | --- |
| UBND TỈNH NGHỆ AN  **BAN QUẢN LÝ KKT ĐÔNG NAM**  Số: {SoThongBaoDonGiaThueDat} | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Nghệ An, ngày tháng năm* |

**THÔNG BÁO**

**{TenThongBaoDonGiaThueDat}**

Tên đơn vị: {TenDoanhNghiep}

Mã số thuế: {MaSoThue}

Địa chỉ: {DiaChi}

Căn cứ Nghị định số 35/2017/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuê mặt nước trong Khu kinh tế, Khu công nghệ cao; Thông tư số 89/2017/TT-BTC ngày 23/8/2017 của Bộ Tài chính Hướng dẫn một số điều của Nghị định số 35/2017/NĐ-CP; Thông tư số 88/2016/TTLT/BTC-BTNMT ngày 22/6/2017 của Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ và trình tự, thủ tục tiếp nhận, luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của người sử dụng đất.

Căn cứ Quyết định số {SoQuyetDinhThueDat} ngày {NgayQuyetDinhThueDat} của Ban quản lý KKT Đông Nam {TenQuyetDinhThueDat}.

Căn cứ Quyết định số 05/2021/QĐ-UBND ngày 14/01/2021 của UBND tỉnh Nghệ An về việc sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 Điều 2 tại các Quyết định số 44/2019/QĐ-UBND, số 49/2019/QĐ-UBND, số 51/2019/QĐ-UBND và số 54/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh Nghệ An về việc ban hành bảng giá đất trên địa bàn thị xã Hoàng Mai, huyện Diễn Châu, huyện Hưng Nguyên và huyện Nghi Lộc giai đoạn từ ngày 01/01/2020 đến 31/12/2024.

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-UBND ngày 06/10/2014 của UBND tỉnh Nghệ An ban hành tỷ lệ (%) tính đơn giá thuê đất, đơn giá thuê đất xây dựng công trình ngầm, mức thu đối với đất có mặt nước và đơn giá thuê mặt nước trên địa bàn tỉnh Nghệ An; Công văn số 3583/STC-QLG&CS ngày 14/11/2017 của Sở Tài chính về việc xác định mức tỷ lệ phần trăm tính đơn giá thuê đất trong Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An.

Ban quản lý Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An thông báo đơn giá thuê đất trả tiền hàng năm cho {TenDoanhNghiep} như sau:

- Địa chỉ thửa đất thuê: {DiaChiThuaDat}

- Diện tích đất thuê: {TongDienTich} m2; Trong đó: Diện tích phải nộp tiền thuê đất: {DienTichPhaiNop} m2, diện tích không phải nộp tiền thuê đất: {DienTichKhongPhaiNop} m2.

- Thời hạn thuê đất: {ThoiHanThue} năm kể từ ngày {TuNgayThue} (đến hết ngày {DenNgayThue}).

- Hình thức nộp tiền thuê đất: {HinhThucThue}.

- Đơn giá thuê đất: {DonGia} đồng/1m2/năm.

Thời gian ổn định đơn giá thuê đất: {ThoiHanDonGia} kể từ ngày {NgayHieuLucDonGia}

Đơn giá thuê đất tại Thông báo là căn cứ xác định số tiền thuê đất phải nộp theo quy định của pháp luật./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Lãnh đạo Ban;  - Các Sở: Tài chính; TNMT;  - Kho bạc nhà nước NA, Cục thuế NA;  - {CoQuanQuanLyThue}  - {TenDoanhNghiep};  - Các phòng: TNMT, KHĐT, QHXD;  - Lưu VT, TNMT. | **TRƯỞNG BAN**  **Lê Tiến Trị** |